

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 60/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24-4-2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Luân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Giang

Ông Nguyễn Ngọc Sơn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Bảo Trân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:**
Ông Huỳnh Trung Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 364/2023/TLST-HNGĐ ngày 14/11/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Hữu Ý, sinh năm: 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị đơn:** Ông Bông Văn K, sinh năm: 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã R, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 9 năm 2023 nguyên đơn bà Lê Thị Hữu Ý trình bày:

Bà Lê Thị Hữu Ý và ông Bông Văn K thành hôn với nhau năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện P, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống bà Lê Thị Hữu Ý và ông Bông Văn K phát sinh nhiều mâu thuẫn, do ông K hay ghen tuông dẫn đến cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà Lê Thị Hữu Ý yêu cầu được ly hôn với ông Bông Văn K.

Về con chung: Bà Lê Thị Hữu Ý và ông Bông Văn K có 01 người con chung tên Bông Ngọc Bảo N, sinh ngày 28/3/2020, bà Ý đang nuôi dưỡng. Bà Ý

yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, không có không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn ông Bông Văn K trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với ông K nhưng ông K vẫn vắng mặt và không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Vụ án từ khi thụ lý đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Về nội dung đề nghị: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Hữu Ý. Con chung: Giao Bông Ngọc Bảo N, sinh ngày 28/3/2020 cho bà Ý nuôi dưỡng, ông K không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Bông Văn K có nơi cư trú tại huyện P, nguyên đơn bà Lê Thị Hữu Ý khởi kiện xin ly hôn với ông Bông Văn K nên Tòa án nhân dân huyện Phú Tân thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đối với ông K nhưng ông K vẫn vắng mặt tại phiên tòa, bà Ý xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Ý, ông K là phù hợp với quy định.

[2] Xét về hôn nhân: Bà Lê Thị Hữu Ý và ông Bông Văn K thành hôn với nhau năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện P, tỉnh Cà Mau. Được thể hiện tại Giấy chứng nhận kết hôn số 50/2016 ngày 10/8/2016 do Ủy ban nhân dân xã R, huyện P, tỉnh Cà Mau cấp, đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Hữu Ý và ông Bông Văn K được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn bà Lê Thị Hữu Ý trình bày trong thời gian chung sống bà Lê Thị Hữu Ý và ông Bông Văn K phát sinh nhiều mâu thuẫn, do ông K hay ghen tuông dẫn đến cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà Lê Thị Hữu Ý yêu cầu được ly hôn với ông Bông Văn K. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Lê Thị Hữu Ý và ông Bông Văn K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Hữu Ý là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Xét về con chung: Bà Lê Thị Hữu Ý và ông Bông Văn K có 01 người con chung tên Bông Ngọc Bảo N, sinh ngày 28/3/2020, bà Ý đang nuôi dưỡng. Bà Ý yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu ông

K cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy Bông Ngọc Bảo N hiện nay bà Ý đang nuôi dưỡng và cháu N hiện còn nhỏ cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của bà Ý, ông K không có ý kiến gì về con chung, nên giao con chung là Bông Ngọc Bảo N, sinh ngày 28/3/2020 cho bà Ý nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Xét về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị Hữu Ý không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Xét về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Xét về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà Lê Thị Hữu Ý phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Hữu Ý, bà Ý được ly hôn với ông Bông Văn K.

Về con chung: Giao Bông Ngọc Bảo N, sinh ngày 28/3/2020 cho bà Lê Thị Hữu Ý nuôi dưỡng. Ông Bông Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con, ông K có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở ông K thực hiện quyền này.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình bà Lê Thị Hữu Ý phải chịu 300.000 đồng, bà Ý có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003020 ngày 14/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND nơi cấp GCNKH;
- Lưu.

Võ Minh Luân